

Bản án số: 28 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 01-7-2020
“Về việc ly hôn giữa
chị S với anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu
2. Ông Nguyễn Văn Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 627/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lâm Thị S, sinh năm 1985 (có mặt).
Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện B, tỉnh E.
2. Bị đơn: Đoàn Vũ T (Bảy), sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29 tháng 10 năm 2019, bản tự khai ngày 11/3/2020, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lê

Thị S trình bày:

Chị Lê Thị S và anh Đoàn Vũ T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vang, huyện B, tỉnh E và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 01/2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh T có lúc đánh đập chị, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị S cố gắng hàn gắn, thuyết phục anh T để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng ly thân từ năm tháng 12/2019 cho đến nay. Hiện tại chị S không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Vũ T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Đoàn Lâm Nhật Q, sinh ngày 12/8/2015. Cháu Q hiện đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn, chị S đồng ý để anh T tiếp tục nuôi cháu Q. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 3 năm 2020, biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2020 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Đoàn Vũ T trình bày:

Anh Đoàn Vũ T thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của chị Lê Thị S về quá trình vợ chồng chị Lê Thị S và anh Đoàn Vũ T chung sống, đăng ký kết hôn, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và con chung. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng do nóng tính, anh T không kiềm chế được nên có đánh chị S. Hiện tại, anh T còn thương vợ con, cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị S để lo cho vợ con. Tại Tòa, anh T đồng ý ly hôn với chị S. Về con chung anh đồng ý nuôi cháu Đoàn Lâm Nhật Q, sinh ngày 12/8/2015. Anh T nuôi con chung không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, nhưng còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá

trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm Phán nêu trên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên đề nghị khắc phục.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều khoản 55, 57, 81, 82 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị S đối với anh Đoàn Vũ T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị Lê Thị S đồng ý cho anh Đoàn Vũ T tiếp tục nuôi con chung tên Đoàn Lâm Nhật Q, sinh ngày 12/8/2015, đồng thời nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Q. Ghi nhận việc anh T tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên thống nhất khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Vũ T, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Anh Đoàn Vũ T đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp Phú Mỹ, xã Phú Vang, huyện B, tỉnh E. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị S, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Lê Thị S và anh Đoàn Vũ T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, hai bên đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban xã Phú Vang nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 01/2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị Được và anh Phong sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Hiện tại vợ chồng chị S và anh T ai cũng có cuộc sống riêng, không còn quan T chăm sóc lẫn nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ

hôn nhân giữa chị S và anh T đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, tại tòa anh T đồng ý ly hôn với chị S do đó công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị S và anh T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên là Đoàn Lâm Nhật Q, sinh ngày 12/8/2015. Tại tòa chị S tự nguyện đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi cháu Q nên ghi nhận. Ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị S phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ly hôn của chị Lê S đối với anh Đoàn Vũ T.

2. Về con chung: Anh Đoàn Vũ T được tiếp tục nuôi con chung tên là Đoàn Lâm Nhật Q, sinh ngày 12/8/2015.

Ghi nhận việc anh T tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Chị S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét, giải quyết

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Lê Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007920 ngày 19/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy, chị Được đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn chị Lê Thị S, bị đơn Đoàn Vũ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm..

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B.
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Hương